

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khai thác đá xây dựng mỏ Tây Nam núi Maviack 1, xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Ninh Thuận Phát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây);

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Ninh Thuận Phát tại Văn bản số 04/KH ngày 12 tháng 10 năm 2025, hồ sơ kèm theo và cam kết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Ninh Thuận Phát tại Văn bản số 01/KHUB ngày 12/10/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 453 /TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 30 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khai thác đá xây dựng mỏ Tây Nam núi Mavieck 1 (sau đây gọi là *Dự án*) của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Ninh Thuận Phát (sau đây gọi là *Chủ dự án*) thực hiện tại xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án tại Điều 1 của Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Dinh; Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Ninh Thuận Phát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND xã Phước Dinh;
- Cty CP SX và TM Ninh Thuận Phát;
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 202/QĐ-SNNMT ngày 29/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ KHAI THÁC ĐÁ XÂY DỰNG MỎ TÂY NAM NÚI MAVIECK
1, XÃ PHƯỚC DINH, TỈNH KHÁNH HÒA CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NINH THUẬN PHÁT**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư khai thác đá xây dựng mỏ Tây Nam núi Mavieck 1.
- Địa điểm thực hiện: xã Phước Dinh, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Ninh Thuận Phát.
- Địa chỉ liên hệ: 158 Kim Ngưu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

1.2. Quy mô, công suất:

1.2.1. Quy mô dự án:

Tổng diện tích 9,9979ha được khống chế bởi các điểm khép góc có tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 108°15', múi 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1265860	580217
2	1265728	580325
3	1265344	579965
4	1265555	579853

1.2.2. Công suất:

- Công suất khai thác đá xây dựng: 250.000 m³ nguyên khối/năm tương đương 368.750 m³ đá nguyên khai/năm, với hệ số nở rời là 1,475.
- Công suất khai thác khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ) làm vật liệu san lấp: năm thứ 1: 41.317m³ nguyên khối/năm (tương đương 46.316m³ nguyên khai/năm); năm thứ 2: 27.000m³ nguyên khối/năm (tương đương 30.267m³ nguyên khai/năm); năm thứ 3 đến năm thứ 15: 22.000m³ nguyên khối/năm (tương đương 24.662m³ nguyên khai/năm), với hệ số nở rời là 1,121.

1.2.3. Thời gian hoạt động của dự án: 18 năm 7 tháng (chưa bao gồm thời gian đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường).

1.3. Công nghệ khai thác:

+ Khai thác đá xây dựng: sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện; khai thác theo lớp bằng, riêng những vị trí không áp dụng được hệ thống khai thác lớp bằng thì khai thác theo lớp xiên; sử dụng máy xúc thủy lực gàu ngược xúc trực tiếp lên ô tô vận chuyển đến bãi chứa.

+ Khai thác khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ): sử dụng máy xúc thủy lực gàu ngược xúc trực tiếp lên ô tô vận chuyển đến nơi tiêu thụ theo yêu cầu của khách hàng hoặc lưu chứa tại bãi chứa chờ tiêu thụ.

1.4. Phạm vi:

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

+ Khai trường khai thác có diện tích 10 ha.

+ Bãi chứa (đá hỗn hợp sau nổ mìn và khoáng sản đi kèm chờ đi tiêu thụ): 5.000 m² (nằm bên trong khai trường), phía Tây Nam khai trường.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ được bố trí trong ranh khai thác (dọc tuyến đường nội mỏ, nằm gần mốc số 3) có diện tích 20 m² bao gồm các công trình: nhà bảo vệ (6 m²), trạm cân (60 tấn), kho chất thải nguy hại dạng container (6 m²), nhà vệ sinh di động (0,8 m²), module xử lý nước thải bằng composite (2,7 m²).

- Các hoạt động của dự án:

+ Hoạt động giải phóng mặt bằng, thu dọn sinh khối.

+ Hoạt động thi công, xây dựng cơ bản mỏ.

+ Hoạt động vận hành dự án: đào xúc khai thác khoáng sản đi kèm vận chuyển đến nơi tiêu thụ hoặc vận chuyển về bãi chứa chờ tiêu thụ; khai thác đá tại khai trường bằng phương pháp khoan nổ mìn; vận chuyển khoáng sản đến bãi chứa.

+ Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường khu vực Dự án.

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: Tuyến đường vận chuyển từ Dự án ra đường Văn Lâm -Sơn Hải.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn (*rác thải sinh hoạt, thực vật thải, ...*), nước thải sinh hoạt, chất thải nguy hại trong hoạt động khai thác, cải tạo, phục hồi môi trường tác động đến môi trường xung quanh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1 Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại mỏ, với lưu lượng thải khoảng 0,6 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khai trường (tính cho ngày mưa lớn nhất) khoảng 177,47 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang, quá trình đào, đắp; vận chuyển vật liệu xây dựng nội mỏ; tạo mặt bằng khai thác đầu tiên. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂,...

3.1.2. Giai đoạn vận hành, khai thác khoáng sản:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 1,74 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

- Nước mưa rơi trực tiếp xuống moong khai thác (tính cho ngày mưa lớn nhất) khoảng 2.398,5 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác khoáng sản đi kèm; khoan, nổ mìn khai thác khoáng sản chính. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ:

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân thi công Dự án khoảng 3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn thừa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Phát sinh từ quá trình phát quang sinh khối thực vật khoảng 4,41 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì.

+ Phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 80 kg. Thành phần chủ yếu là gạch vỡ, vỏ bao, sắt thép vụn....

- Chất thải nguy hại: chủ yếu là dầu nhớt thải khoảng 18,924 lít/năm và giẻ lau dính dầu nhớt thải khoảng 4 kg/lần.

3.2.2. Giai đoạn vận hành, khai thác khoáng sản:

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên Dự án khoảng 8,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn thừa.

- Chất thải rắn thông thường: phát sinh từ quá trình phát quang sinh khối thực vật khoảng 6,9 m³/đợt gồm 10 đợt phát quang. Thành phần chủ yếu là thực

bì.

- Chất thải nguy hại: phát sinh khoảng 275 kg/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, pin, ắc quy thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển nội mỏ....

3.4. Các tác động khác:

- Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp xung quanh Dự án do quá trình khai thác khoáng sản, chủ yếu bụi, tiếng ồn, đá văng, chấn động do sóng không khí.

- Rủi ro, sự cố do sạt lở bờ moong trong hoạt động Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại có dung tích 9,0 m³, sau đó được tiếp tục xử lý qua module xử lý nước thải bằng composite với công suất 2,0 m³/ngày (Ngăn kỵ khí → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng) để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B) trước khi xả ra suối Ba Họng.

- Nước mưa chảy vào mỏ: dẫn về hồ thu nước dung tích 7.000 m³ (cos đáy hồ thu + 60m) được đặt tại đáy moong khai thác, sát ranh phía Tây Nam mỏ. Khi nước trong hồ thu đầy sẽ được bơm cưỡng bức ra suối Ba Họng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt bảo đảm đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B).

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý khí thải:

- Máy móc, trang thiết bị khai thác sử dụng nhiên liệu theo quy định của nhà sản xuất; định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo quy định.

- Xe vận chuyển khoáng sản chính và khoáng sản đi kèm phải có bạt che kín thùng xe để tránh đất, đá rơi vãi, bụi theo gió thốc lên và tạt ra xung quanh; vận chuyển đúng tải trọng xe, không được chở quá tải trọng quy định.

- Sử dụng một (01) xe bồn chuyên dụng có dung tích bồn chứa nước 9,0 m³ để phun nước dập bụi trên tuyến đường vận chuyển nội mỏ.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại vào các thùng rác, dung

tích 60 lít và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: thu gom, phân loại, tái sử dụng, và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đối với nhóm chất thải phải xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: thu gom, phân loại, lưu chứa trong kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 6,0 m² và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Giai đoạn vận hành, khai thác khoáng sản:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại vào các thùng rác, dung tích 60 lít và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: thu gom thực vật thải và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: thu gom, phân loại, lưu chứa trong kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 6,0 m² và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, đá văng, chấn động do sóng không khí:

- Sử dụng các loại thiết bị, máy móc đúng công suất thiết kế đã nêu trong báo cáo và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật đúng định kỳ theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao.

- Tuân thủ việc thực hiện nổ mìn theo đúng nội dung, điều kiện sử dụng tại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp được cấp và Phương án nổ mìn được cấp có thẩm quyền thẩm định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi

trường trong quá trình thực hiện Dự án. Kể từ ngày 01/ 01/2027, Dự án phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) *Hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:*

- Khu vực khai trường: cải tạo thành hồ chứa nước; xây dựng đê bao quanh moong (kích thước bờ bao: chiều rộng mặt bờ bao 1m, chiều rộng chân bờ bao 3m, chiều cao là 1m, chiều dài 1.410m); cải tạo, củng cố bờ moong bảo đảm an toàn kỹ thuật; lắp đặt biển báo nguy hiểm bằng bê tông cốt thép và lập hàng rào xung quanh moong khai thác bằng bê tông.

- Khu vực phụ trợ: tháo dỡ công trình và vận chuyển toàn bộ khối lượng tháo dỡ ra khỏi phạm vi dự án.

b) *Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:*

TT	Công tác	ĐVT	Khối lượng
I	Đối với Khu vực khai trường		
1	Đắp đê bao xung quanh mỏ	m ³	2.820
2	Trồng cây neem xung quanh moong khai thác	cây	2.820
3	Làm hàng rào quanh moong khai thác	m	1.410
4	Lắp đặt biển báo	Biển	9
II	Đối với Khu phụ trợ		
1	Tháo dỡ các công trình phụ trợ (trạm cân)	Trạm	01
2	Vận chuyển nhà điều hành, nhà vệ sinh, kho chất thải và module xử lý nước thải bằng composite ra khỏi khu vực Dự án	Cấu kiện	04
3	Bóc xúc và vận chuyển thiết bị sau tháo dỡ ra khỏi Dự án (vận chuyển về các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn xã Phước Dinh cách dự án 3km về phía Đông).	tấn	1,2

c) *Tiến độ cải tạo, phục hồi môi trường*

TT	Tên công trình	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Khu vực moong khai thác				
I.1	Đắp đê bao xung quanh mỏ	m ³	2.820	Trong quá trình khai thác	1 tháng

TT	Tên công trình	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I.2	Trồng cây neem xung quanh moong khai thác	cây	2.820	Trong quá trình khai thác	1 tháng
I.3	Làm hàng rào lưới thép B40	m	1.410	Kết thúc khai thác. Năm cuối của quá trình khai thác – vào tháng thứ 8 năm thứ 19 của dự án	1 tháng
I.4	Lắp đặt biển báo	Biển	9	Kết thúc khai thác. Năm cuối của quá trình khai thác – vào tháng thứ 8 năm thứ 19 của dự án	1 tháng
II Cải tạo khu phụ trợ					
II.1	Tháo dỡ công trình (trạm cân)	Trạm	01	Kết thúc khai thác. Năm cuối của quá trình khai thác – vào tháng thứ 8 năm thứ 19 của dự án	2 tháng
II.2	Vận chuyển nhà điều hành, nhà vệ sinh, kho chất thải và module xử lý nước thải bằng composite ra khỏi khu vực Dự án	Cấu kiện	04	Kết thúc khai thác. Năm cuối của quá trình khai thác – vào tháng thứ 8 năm thứ 19 của dự án	5 ngày
II.3	Bóc xúc và vận chuyển thiết bị sau tháo dỡ ra khỏi Dự án	tấn	1,2	Kết thúc khai thác Năm cuối của quá trình khai thác – vào tháng thứ 8 năm thứ 19 của dự án	5 ngày

d) Kinh phí và thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 720.762.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Số lần ký quỹ: 19 lần.

- Số tiền ký quỹ lần đầu: 144.152.400 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm đồng*).

- Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo: 32.033.867 đồng (*Ba mươi hai triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Việc tính toán tiền

ký quỹ cho từng năm có xác định yếu tố trượt giá sẽ do Chủ dự án thực hiện và gửi cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa để xem xét thẩm định và thông báo ký quỹ làm căn cứ để thực hiện.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Sự cố cháy nổ:

- Đảm bảo trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị chữa cháy theo đúng quy định.

- Ban hành nội quy yêu cầu công nhân viên làm việc tuân thủ quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; nghiêm cấm hút thuốc hay thực hiện các hoạt động có khả năng gây ra tia lửa tại khu vực có chứa nhiên liệu, khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

b) Sự cố sạt lở bờ moong khai thác:

- Khai thác theo đúng thiết kế, thực hiện đảm bảo góc dốc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, các thông số của hệ thống khai thác đã được phê duyệt.

- Thường xuyên quan sát vách moong, bờ tầng để phát hiện các vết nứt, khe nứt lớn, đá treo, nếu có phải xử lý an toàn tránh nguy cơ sạt lở bờ moong.

- Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động và thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

- Tập huấn cho lao động về các công tác ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

- Định kỳ tiến hành quan trắc địa bờ mỏ, quan trắc bề mặt để xác định các thông số dịch chuyển đất đá và dự báo các nguy cơ sạt lở trên bờ mỏ để nhanh chóng có biện pháp ứng phó.

c) An toàn nổ mìn:

- Đảm bảo an toàn nổ mìn theo QCVN 01:2009/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và các quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan.

- Thực hiện công tác nổ mìn và đảm bảo công tác an toàn nổ mìn theo Phương án nổ mìn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp các mỏ lân cận để lập kế hoạch nổ mìn và trao đổi lịch nổ mìn phù hợp, đảm bảo an toàn, hiệu quả; bố trí giám đốc điều hành phụ trách công tác nổ mìn theo quy định.

- Thông báo với địa phương và các cơ sở, hộ dân xung quanh trước khi tiến hành nổ mìn để đảm bảo không có người trong khu vực nguy hiểm.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân viên.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường: thực hiện công tác thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải rắn; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh tại Dự án; thường xuyên theo dõi công tác vận hành các thiết bị, tiến hành bảo trì máy móc theo định kỳ; theo dõi, giám sát, kịp thời phát hiện, thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường:

5.2.1. Chương trình giám sát chất lượng môi trường không khí:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Ninh Thuận Phát (Chủ Dự án) đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường theo Văn bản số 1/KHUB ngày 12/10/2025, cụ thể như sau:

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ranh giới khu vực khai thác cuối hướng gió (theo các mùa gió chủ đạo trong năm và theo vị trí xây dựng).

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Kể từ ngày 01/01/2027, Dự án phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giai đoạn vận hành:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại ranh giới đầu và cuối hướng gió khu vực đang khai thác (theo các mùa gió chủ đạo trong năm và theo tiến độ, vị trí khai thác).

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

c) Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ranh giới khu vực khai thác cuối hướng gió (theo các mùa gió chủ đạo trong năm).

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn

kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2.2. Quản lý, giám sát chất thải rắn:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2.3. Chương trình giám sát bờ moong:

Thường xuyên theo dõi nguy cơ xảy ra các sự cố trượt, sụt, lở đất đá. Quá trình này được ghi trong sổ nhật ký theo dõi của bộ phận quản lý mỏ để theo dõi sự biến động theo không gian và thời gian để Chủ dự án có biện pháp khắc phục các tác động do sự cố gây ra.

5.2.4. Chương trình giám sát chấn động do nổ mìn:

Thực hiện giám sát nổ mìn theo QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Tổ chức khai thác đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất và các thông số hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến an toàn theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.

- Lập và thực hiện kế hoạch, phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, cháy nổ, sự cố môi trường hàng năm (đá lăn, đá văng, trượt lở, sụt lún, sạt lở bờ mỏ, bãi thải) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng sụt lún, sạt lở, trôi lấp đất đá, mất an toàn khi nổ mìn phải dừng ngay hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nêu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản và công tác cải tạo, phục hồi môi trường phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung được quy định tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung.

- Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của

pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và thiết kế các hạng mục công trình của Dự án; tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận chuyển nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo công nhân và dân cư xung quanh mỏ thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có nguy cơ rủi ro cao khác.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện việc ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh, trật tự; thường xuyên theo dõi, đánh giá, đảm bảo an toàn đối với các hộ dân gần khu vực triển khai Dự án; kịp thời xử lý đảm bảo an toàn và tránh thiệt hại về người và tài sản của hộ dân khu vực trong quá trình triển khai Dự án.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư và thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
